

Số: 703/QĐ-BVML

Mê Linh, ngày 5 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 4: Gói thầu vắc xin
của Bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MÊ LINH

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số: 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc hội về Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội khóa 15 về thực hiện dân chủ cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017;

Căn cứ Quyết định số 667/QĐ-BVML ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu "Gói số 4: Gói thầu vắc xin" thuộc dự án "Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2022-2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh";

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính- Kế toán Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 4: Gói thầu vắc xin của Bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh (Có danh mục đính kèm)

Hình thức công khai: Công khai tại trang thông tin điện tử nội bộ và niêm yết tại bảng tin của đơn vị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau 90 ngày.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng các khoa, phòng có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở y tế Hà Nội (Để báo cáo);
- Lưu: VT, TC_KT.

GIÁM ĐỐC

Trần Quang Trịnh

Gói số 4: Gói thầu vắc xin

STT	STT HSM T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn Giá (có VAT)	Thành tiền	Nhóm thuốc
		1. Công ty Cổ phần Biovaccine Việt Nam														
1	3	Influvac Tetra	A/ Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09- Like strain (A/Brisbane/02/2018,IVR-190); A/ South Australia/34/2019(H3N2)- Like strain(A/South Australia/ 34/2019, IVR- 197); B/Washington/02/2019 - like strain (B/Washington/02/2019, Wild type) B/Phuket/3073/2013 - like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, Wild type)	Mỗi liều 0,5ml vắc xin chứa: A/ Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09- Like strain (A/Brisbane/02/2018,IVR-190) -15 mcg haemagglutinin; A/ South Australia/34/2019(H3N2)- Like strain(A/South Australia/34/2019, IVR- 197) -15 mcg haemagglutinin; B/Washington/02/2019 - like strain (B/Washington/02/2019, Wild type)- 15 mcg haemagglutinin; B/Phuket/3073/2013 - like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, Wild type) -15 mcg haemagglutinin	Tiêm	Thuốc tiêm (Hỗn dịch tiêm)	Hộp có 1 xi lanh chứa 0,5ml hỗn dịch	12 tháng	VX3 - 1228-21	Abbott Biologicals B.V	HÀ LAN	Hộp/xi lanh/liều	400	251,450	100,580,000	Nhóm 1
2	6	VA-Mengoc-BC	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C.	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B- 50mcg/0,5ml, Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C: 50mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm (dung dịch tiêm)	Hộp 10 lọ x 0,5ml (1 liều)	36 tháng	QLVX-H02-985-16	Instituto Finlay de Vacunas	CU BA	Lọ	800	151,704	121,363,200	Nhóm 5
3	7	MVVAC	Virus sởi sống, giảm độc lực, chủng AIK-C	≥ 1000 PFU/ Liều 0,5 ml	Tiêm	Thuốc tiêm(Bột đông khô pha tiêm)	1 Hộp vắc xin chứa 10 lọ vắc xin sởi đông khô(10 liều/ lọ), 1 hộp nước hồi chính chứa 10 lọ(6ml/ lọ)	24 tháng	QLVX-880-15	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm Y tế(POLYVAC)	VIỆT NAM	lọ	200	230,000	46,000,000	Nhóm 4

QĐ1.

STT	STT HSM T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn Giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn (Đơn vị)
4	10	Vắc xin Varicella sống giảm độc lực - Varicella Vaccine -GCC Inj	Virus thủy đậu sống giảm độc lực ≥ 1.400 PFU	Virus thủy đậu sống giảm độc lực ≥ 1.400 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm (Bột đông khô)	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống dung môi 0,7ml	24 tháng	QLVX-1046-17	Green Cross Corporation	HÀN QUỐC	Lọ	300	501,000	150,300,000	Nhóm 1
5	14	Vắc xin viêm gan A tinh khiết, bất hoạt - HAVAX	Protein bao gồm kháng nguyên virus viêm gan A tinh khiết $<100\mu\text{g}/0,5\text{ml}$	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein bao gồm kháng nguyên virus viêm gan A tinh khiết $<100\mu\text{g}/0,5\text{ml}$	Tiêm	Thuốc tiêm (Hỗn dịch tiêm)	Hộp 10 lọ x 0,5ml	24 tháng	QLVX-1110-18	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1 (VABIOTECH)	VIỆT NAM	Lọ	100	95,400	9,540,000	Nhóm 4
6	15	Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp Gene-Hbvax	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết 20 mcg/1ml	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết 20 mcg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm (Hỗn dịch tiêm)	Hộp 10 lọ x 1ml	36 tháng	QLVX-1044-17	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1 (VABIOTECH)	VIỆT NAM	Lọ	300	65,940	19,782,000	Nhóm 1
		Tổng: 06 khoản													447,565,200	
		2. Công ty Cổ phần y tế Đức Minh														
1	4	IVACFLU-S (Vắc xin cúm mùa dạng mảnh bất hoạt)	Kháng nguyên bề mặt tinh chế virus cúm của các chủng: - Chủng A/H1N1 - Chủng A/H3N2 - Chủng B	(15mcg chủng A/H1N1 + 15mcg chủng A/H3N2 + 15mcg chủng B)/0,5ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 10 lọ vắc xin (mỗi lọ 0,5ml - 1 liều)	12 tháng	QLVX-H03-1137-19	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Lọ	400	149,100	59,640,000	Nhóm 4
2	9	Rotavin-M1	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8]	≥ 2 triệu PFU/2ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp to chứa 10 hộp nhỏ x 1 lọ x 2ml	24 tháng	QLVX-1039-17	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế	Việt Nam	Lọ	200	339,780	67,956,000	Nhóm 4
3	16	JEEV	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2)	3mcg/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Lọ vắc xin 3 mcg/0,5ml, Hộp 10 lọ	36 tháng	VX3-1178-20	Biological E. Limited	Ấn Độ	Lọ	300	253,000	75,900,000	Nhóm 1
4	17	JEEV	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2)	6mcg/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Lọ vắc xin 6 mcg/0,5ml, Hộp 10 lọ	36 tháng	VX3-1179-20	Biological E. Limited	Ấn Độ	Lọ	100	352,000	35,200,000	Nhóm 1
		Tổng: 04 khoản													238,696,000	

STT	STT HSM T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn Giá (có VAT)	Thành tiền	Nhóm thuốc
		3. Công ty TNHH MTV Dược liệu TW2														
1	1	Synflorix Inj 0.5ml 1Dose	Một liều (0,5ml) chứa 1 mcg polysaccharide của các typ huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và 3 mcg của các typ huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,3} , 19F ^{1,4}	1mcg 3mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn 1 liều (0,5ml) vắc xin và 1 kim tiêm	48 tháng	QLVX-1079-18	CSSX & đóng gói: GlaxoSmithKline Biologicals S.A., CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	CSSX và đóng gói: Pháp; Chung nhân xuất xưởng: Bỉ	Liều	600	829,900	497,940,000	Nhóm 1
2	2	Prevenar 13 0.5ml Inj 1's	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phẩy cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Mỗi bơm tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phẩy cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 1 liều đơn 0,5ml thuốc kèm 1 kim tiêm riêng biệt	36 tháng	QLVX-H03-1142-19	CSSX: Pfizer Ireland Pharmaceuticals, CSDG: Pfizer Manufacturing Belgium NV	CSSX: Ai Len, CSDG: Bỉ	Bơm tiêm	200	1,077,300	215,460,000	Nhóm 1
3	8	Rotateq 2ml 10's	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant >=2,2 triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant >=2,8 triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant >=2,2 triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant >=2,0 triệu IU; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant >=2,3 triệu IU	2ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 10 túi x 1 tuýp nhựa 2ml	24 tháng	QLVX-990-17	Merck Sharp & Dohme Corp.	Mỹ	Tuýp	100	535,320	53,532,000	Nhóm 1

STT	STT HSM T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn Giá (có VAT)	Thành tiền
4	11	Gardasil Inj 0.5ml 1's	Vắc xin tái tổ hợp từ giá phòng vi rút HPV ở người tít 6, 11, 16, 18. Mỗi liều 0,5ml chứa 20mcg protein L1 HPV6 ; 40mcg protein L1 HPV11; 40mcg protein L1 HPV 16; 20mcg protein L1 HPV18	0.5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ, 10 lọ x 0,5ml	36 tháng	QLVX-883-15	Merck Sharp & Dohme Corp. Cơ sở đóng gói thứ cấp: Merck Sharp & Dohme B.V	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan	Lô	350	1,509,600	528,360,000
5	18	M-M-R II & Dung Dịch Pha 0.5ml 10's	Virus sởi >=1000 CCID50; Virus quai bị >=12500 CCID50; virus rubella >=1000 CCID50	0.5ml	Tiêm bắp (IM) hoặc tiêm dưới da (SC)	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ vắc xin đơn liều kèm hộp 10 lọ dung môi pha tiêm	24 tháng	QLVX-878-15	CSSX: Merck Sharp & Dohme Corp. Cơ sở đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V, CSSX dung môi: Jubilant HollisterStier LLC,	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	Lô	350	164,620	57,617,000
Tổng: 05 khoản															1,352,979,000
Tổng cộng: 15 khoản															2,039,170,200